TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Bản án số: **15**/2019/KDTM - ST*
Ngày: 19/02/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng Dịch vụ bảo vệ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Giang.
2. Ông Phạm Mạnh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Minh Anh - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 65/2019/TLST - KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng Dịch vụ Bảo vệ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST - KDTM ngày 04 tháng 02 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ***Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ và Vệ sĩ TL.***
Địa chỉ trụ sở: Số 11 Ngõ 107 T, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông ***Nguyễn Công K*** - Tổng giám đốc.
Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn**:** Ông ***Nguyễn Huy S*** - Trưởng phòng nghiệp vụ Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ và Vệ sĩ TL *(Theo Giấy uỷ quyền ngày 24/5/2019 của ông Nguyễn Công K).*

2. Bị đơn: ***Công ty Trách nhiệm hữu hạn F***
Địa chỉ trụ sở: Khu 5 thị trấn Phố Mới, huyện Q, tỉnh B.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Jeon C - Tổng giám đốc.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ***Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn F.***
Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thanh V - Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thanh H - Kế toán trưởng Công ty Trách nhiệm hữu hạn F (*theo văn bản ngày 05/8/2019 của ông Jeon C*).
Có mặt ông S và bà H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] ***Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày***:

Ngày 22/10/2018, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ và Vệ sĩ TL (Sau đay viết tắt là Công ty TL) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn F (Sau đay viết tắt là Công ty F) đã ký kết Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 0129/2018/BVTL. Theo hợp đồng này thì Công ty TL nhận cung cấp dịch vụ bảo vệ theo yêu cầu của Công ty F để giữ gìn trật tự an ninh và bảo vệ tài sản của Công ty F tại thôn K, xã N, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Thời gian làm việc: Đảm bảo an ninh và tài sản cho Công ty F tại 05 vị trí, với thời gian là 24/24 giờ từ thứ hai đến chủ nhật cũng như tất cả các ngày lễ tết.

Nhiệm vụ cụ thể của Công ty TL là đảm bảo an ninh tại khu vực bảo vệ; xử lý sự cố xảy ra trong phạm vi đảm trách; sắp xếp, trông giữ xe của cán bộ công nhân viên trong công ty và khách ra vào nhà máy; ngăn chặn các trường hợp cản trở đến việc xuất/nhập hàng hóa của nhà máy; đảm bảo an ninh thông thoáng tại khu vực cổng chính của nhà máy; bắt giữ và lập biên bản báo cáo với Cơ quan Công an các trường hợp đột nhập, phá hoại tài sản, uy hiếp cán bộ công nhân viên trong nhà máy; kiểm tra thường xuyên các thiết bị, phương tiện chữa cháy tại chỗ. Nếu xảy ra các tình huống khẩn cấp thì thông báo ngay cho Công ty F được biết để kịp thời xử lý.

Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

- Giá dịch vụ mà Công ty F phải trả cho Công ty TL là 45.000 đồng/01giờ/01 nhân viên.
- Tổng giá trị 01 tháng dự kiến là: 45.000 đồng x 24 giờ x 05 vị trí x 30 ngày = 162.000.000 đồng
- Giá trên chưa bao gồm thuế VAT
- Phí dịch vụ 04 ngày tết tính 300%
- Phí các ngày lễ trong năm tính 200% bao gồm các ngày 01/01, 10/3 âm lịch, 30/4, 01/5 và 02/9.

Hình thức thanh toán:

- Hàng tháng vào ngày cuối tháng, Công ty TL xuất hóa đơn và Công ty F sẽ thanh toán phí dịch vụ 01 lần bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản từ 01 ngày đến 05 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn thanh toán của Công ty TL, các tháng tiếp theo không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
- Sau 15 ngày, kể từ ngày nhận được hóa đơn do Công ty TL phát hành, nếu Công ty F chưa thanh toán phí dịch vụ mà không có sự đồng ý của Công ty TL thì Công ty F phải chịu lãi suất 0,05%/01 ngày x tổng số tiền chậm trả.
- Thời hạn chậm trả tối đa là 10 ngày, nếu không thực hiện đúng thì Công ty TL có quyền đơn phương rút khỏi mục tiêu mà không chịu bất cứ chế tài nào.
- Thời hạn hợp đồng bắt đầu thực hiện kể từ ngày 22/10/2018 đến hết ngày 21/01/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TL đã thực hiện đúng và đầy đủ như những điều khoản mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng và Công ty F đã thanh toán cho Công ty TL các lần như sau:

- Ngày 30/11/2018 Công ty F đã thanh toán số tiền phí dịch vụ của tháng 10/2018 là: 59.400.000 đồng.
- Ngày 30/11/2018, Công ty TL xuất hóa đơn số 626 với số tiền: 178.200.000 đồng, là phí dịch vụ của tháng 11/2018;
- Ngày 31/12/2018, Công ty TL xuất hóa đơn số 661 với số tiền: 127.710.000 đồng, là phí dịch vụ tháng 12/2018;
- Ngày 31/01/2019, Công ty TL xuất hóa đơn số 691 với số tiền: 95.040.000 đồng, là phí dịch vụ tháng 01/2019;
- Ngày 28/02/2019 Công ty TL xuất hóa đơn số 718 với số tiền: 80.190.000 đồng là phí dịch vụ tháng 02/2019.

Sau khi Công ty TL xuất hóa đơn ngày 30/11/2018 thì Công ty F đã không thanh toán cho Công ty TL thêm đồng nào nữa, nhưng do thời hạn hợp đồng không dài nên Công ty TL vẫn thực hiện đầy đủ công việc và trách nhiệm như đã ký với Công ty F và hy vọng sau khi kết thúc hợp đồng thì Công ty F sẽ thanh toán cho Công ty TL một lần.

Vì vậy sau mỗi tháng, Công ty TL đều xuất hóa đơn gửi cho Công ty F để kiểm tra đối chiếu và Công ty F cũng không có bất kỳ ý kiến gì.

Tuy nhiên sau khi kết thúc toàn bộ hợp đồng, Công ty TL có tổng hợp hóa đơn và yêu cầu thanh toán nhưng Công ty F vẫn không thanh toán. Cụ thể như sau:

- Ngày 18/02/2019, Công ty TL có Công văn lần 1 số 07 gửi Công ty F yêu cầu thanh toán phí dịch vụ bảo vệ và phạt chậm thanh toán;
- Ngày 06/3/2019, Công ty TL có Công văn lần 2 số 08 gửi Công ty Finetech yêu cầu thanh toán phí dịch vụ bảo vệ và phạt chậm thanh toán;
- Ngày 07/3/2019 Công ty F có công văn số 03 gửi Công ty TL với nội dung không đồng ý với gia trị phí bảo vệ mà Công ty TL đã xuất hóa đơn vào các tháng 11, 12/2018 và các tháng 01, 02/2019;
- Ngày 03/4/2019 Công ty F có văn bản gửi Công ty TL với nội dung đề nghị cử người đến trụ sở chi nhánh của Công ty F ở thôn K, xã N để giải quyết xong phí dịch vụ các tháng 11, 12/2018 và tháng 01,02/2019.

Tuy nhiên đến đúng ngày giờ trên, khi Công ty TL đến thì nhân viên của Công ty F nói không có ai ở Công ty, nên buổi làm việc không thực hiện được.

- Ngày 02/5/2019 Công ty TL có văn bản thông báo cho Công ty F tổng tiền phí dịch vụ và tiền phạt chậm thanh toán và đề nghị Công ty F thanh toán tiền phí dịch vụ.

Ngoài việc thông báo bằng văn bản, Công ty TL đã nhiều lần liên lạc với Công ty F qua điện thoại dưới hình thức gọi điện và nhắn tin nhưng Công ty F vẫn không thanh toán và cũng không đưa ra được tài liệu chứng cứ về việc Công ty TL vi phạm hợp đồng dịch vụ hoặc tổng hợp sai số tiền phải thanh toán.

Như vậy phí dịch vụ tháng 10,11,12/2018 và tháng 01, 02/2019 mà Công ty F phải thanh toán cho Công Ty TL tổng cộng là 540.540.000 đồng. Đã trả 59.400.000 đồng; Còn nợ: 481.140.000 đồng.

Nay Công ty TL khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết:

- Buộc Công ty Công ty F phải thanh toán tổng số tiền phí dịch vụ còn nợ là 481.140.000 đồng và tiền phạt chậm thanh toán (tính đến hết ngày 31/8/2019) là 50.067.000 đồng. Tổng cộng là: 531.207.000 đồng;
- Kể từ ngày 01/9/2019, Công ty F còn tiếp tục phải chịu tiền phạt chậm thanh toán trên số tiền phí dịch vụ 481.140.000 đồng theo mức 0,05%/01 ngày kể từ ngày 01/9/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ 481.140.000 đồng.

[2] ***Quan điểm của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ lien quan:***

Bà H trình bày: không nhất trí với số tiền mà Công ty TL đưa ra vì không đúng với thực tế việc Công ty TL điều động nhân viên đến làm việc.

Công ty F thống kê và có bản chấm công đối với các nhân viên bảo vệ được cử đến làm nhiệm vụ tại Công ty F như sau:

- Tháng 10/2018 Công ty TL điều động ca ngày 05 người, ca đêm 05 người;
- Tháng 11/2018 Công ty Thăng Long điều động ca ngày 05 người, ca đêm 05 người;
- Tháng 12/2018 Công ty TL điều động ca ngày 05 người, ca đêm 02 người;
- Tháng 01/2019 Công ty TL điều động ca ngày 02 người, ca đêm 02 người;
- Tháng 02/2019 Công ty TL điều động ca ngày 03 người, ca đêm 02 người.

Công ty F đã thanh toán xong cho Công ty TL toàn bộ phí dịch vụ tháng 10/2018. Do Công ty TL cử người đến làm việc không dung số lượng yêu cầu ban đầu, mắt khác Công ty TL yêu cầu Công ty F trả phí dịch vụ theo vị trí được bảo vệ theo hợp đồng nên hai bên chưa thống nhất được cách thức thanh toán, do vậy Công ty F chưa thanh toán tiền phí dịch vụ cho Công ty TL.

Sau khi có con số cụ thể thì Công ty F sẽ thanh toán 01 lần cho Công ty TL và đồng ý thanh toán số tiền chậm trả trên số phí dịch vụ thực tế còn nợ.

[3] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của người tham gia tố tụng, của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TL.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật***:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ và Vệ sĩ TL (Sau đây viết tắt là Công ty TL) có đăng ký kinh doanh số 0104606437do Sở Kế hoạch đầu tư Thành

phố Hà Nội cấp ngày 28/4/2010, địa chỉ trụ sở tại: Số 11 ngõ 107 phố T, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội do ông Nguyễn Công K – Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật;

Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn F (Sau đây viết tắt là Công ty F). Địa chỉ trụ sử: Khu 5, thị trấn phố Mới, huyện Q, tỉnh B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Jeon C - Tổng giám đốc;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Công ty F, có đăng ký kinh doanh số 2300761305 – 001, địa chỉ trụ sở: Thôn K, xã N, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thanh V - Giám Đốc điều hành đã ký kết hợp đồng dịch vụ bảo vệ ngày 20/10/2018.

Như vậy, các bên đều đủ tư cách và có quyền ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh doanh thương mại và tham gia tố tụng để giải quyết tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng đã ký kết. Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Xét yêu cầu của nguyên đơn***:

Tại các bản giải trình, các chứng từ hóa đơn Công ty TL và Công ty F đã giao nộp tại phiên tòa cũng như phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện:

- Tháng 10/2018 có 10 ngày làm việc và số tiền phí dịch vụ là: 10 ngày x 05 vị trí x 24h x 45.000.000 đồng = 54.000.000 đồng + 10% thuế VAT = 54.000.000 đồng. đã thanh toán.

- Tháng 11/2018 có 30 ngày làm việc và số tiền phí dịch vụ là: 30 ngày x 05 vị trí x 24h x 45.000.000 đồng = 162.000.000 đồng + 10% thuế VAT = 178.000.000 đồng. Ngày 30/11/2018 Công ty TL đã xuất hóa đơn và có đề nghị thanh toán.

- Tháng 12/2018: Từ ngày 01/12/2018 đến 12/12/2018 có 12 ngày làm việc và số tiền phí dịch vụ là: 12 ngày x 05 vị trí x 24h x 45.000.000 đồng = 64.800.000 đồng. Từ ngày 13/12/2018 đến 31/12/2018 có 19 này làm việc và số tiền phí dịch vụ là: 19 ngày x 2.5 vị trí x 24h x 45.000.000 đồng = 51.300.000 đồng. Tổng cộng là 116.100.000 đồng + 10% thuế VAT = 127.710.000. Ngày 31/12/2018 Công ty TL đã xuất hóa đơn và có đề nghị thanh toán.

- Tháng 01/2019 có 31 ngày làm việc và số tiền phí dịch vụ là: 30 ngày x 05 vị trí x 24h x 45.000.000 đồng = 162.000.000 đồng + 10% thuế VAT = 178.000.000 đồng. Ngày 31/01/2018 Công ty TL đã xuất hóa đơn và có đề nghị thanh toán.

- Tháng 02/2018:

Từ ngày 01/02/2019 đến 18/02/2019 có 18 ngày làm việc và số tiền phí dịch vụ là: 18 ngày x 2.5 vị trí x 24h x 45.000.000 đồng = 48.600.000 đồng.

Từ ngày 19/02/2019 đến 20/02/2019 có 02 này làm việc và số tiền phí dịch vụ là: 02 ngày x 1 vị trí x 24h x 45.000.000 đồng = 2.160.000 đồng.

Ngày 21/02/2019 có 01 ngày làm việc và tiền phí dịch vụ là: 01 ngày x 1 vị trí x 12h x 45.000.000 đồng = 540.000 đồng.

04 ngày tết âm lịch x 2.2 vị trí x 24h x 45.000 x200% = 21.600.000 đồng.

Tổng cộng là 72.900.000 đồng + 10% thuế VAT = 80.190.000. Ngày 28/02/2019 Công ty TL đã xuất hóa đơn và có đề nghị thanh toán.

Tổng số tiền phí dịch vụ bảo vệ của các tháng: 10,11,12/2018 và các tháng 01,02/2019 Công ty F phải thanh toán là 540.540.000 đồng. Công ty F đã trả tiền phí dịch vụ bảo vệ của tháng 10/2018 là 59.400.000 đồng, còn phải trả tiền phí dịch vụ bảo vệ của các tháng còn lại là 481.140.000 đồng và tiền phạt chậm trả là 62.336.000 đồng.

Xét thấy: Tại điểm 1.2 Điều 1 của hợp đồng dịch vụ bảo vệ, các bên đã thỏa thuận: "Thời gian làm việc: Đảm bảo an ninh và tài sản cho Bên A tại 05 vị trí, với thời gian là 24/24 giờ từ thứ hai đến chủ nhật cũng như tất cả các ngày lễ tết". Tại điểm 4.1 Điều 4 của Hợp đồngnêu trên các bên thỏa thuận về giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán như sau: "Giá dịch vụ mà Bên A phải trả cho Bên B là: 45.000 đồng/01 giờ/01 nhân viên; Phí dịch vụ ngày tết tính bằng 300%". Tại điểm 4.2 Điều 4 các bên thỏa thuận: "sau 15 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn do bên B phát hành, nếu Bên A chưa thanh toán cho bên B phí dịch vụ mà không có sự đồng ý của bên B thì bên A phải chịu lãi suất chậm thanh toán là 0,05%/ngày/số tiên chậm trả".

Như vậy Công ty F yêu cầu Công ty TL phải đảm trách về an ninh tại 05 vị trí trong khuôn viên của Công ty F và việc trả phí cho việc bảo vệ căn cứ vào số giờ làm việc của nhân viên bảo vệ chứ không phải căn cứ vào vị trí được bảo vệ để tính phí dịch vụ như yêu cầu của Công ty TL.

Căn cứ vào bảng chấm công đối với các nhân viên bảo vệ của Công ty TL cử đến làm nhiệm vụ thì phí dịch vụ chưa trả của các tháng 11, 12/2018 và các tháng 01, 02/2019 được tính lại như sau:

- Tháng 11: Ca ngày 147 công (người), Ca đêm 62 công (người). Mỗi ca 12 giờ làm việc. Như vậy số tiền phải trả là: (147 + 62) x 12h x 45.000 = 112.860.000 đồng + 10% thuế VAT = 124.146.000 đồng.
- Tháng 12: Ca ngày 111 công (người), Ca đêm 62 công (người). Mỗi ca 12 giờ làm việc. Như vậy số tiền phải trả là: (111 + 62) x 12h x 45.000 = 93.420.000 đồng + 10% thuế VAT = 102.764.000 đồng.
- Tháng 01: Ca ngày 97 công (người), Ca đêm 62 công (người). Mỗi ca 12 giờ làm việc. Như vậy số tiền phải trả là: (97 + 62) x 12h x 45.000 = 84.780.000 đồng + 10% thuế VAT = 93.258.000 đồng.
- Tháng 02: Ca ngày 52 công (người), Ca đêm 31 công (người). Mỗi ca 12 giờ làm việc.

Trong tháng này có 04 ngày nghỉ tết âm lịch gồm: Ngày 04/02/2019 có 02 người ca ngày, 02 người ca đêm; Ngày 05/02/2019 có 02 người ca này, 01 người ca đêm. Ngày 06/02/2019 có 02 người ca ngày, 01 người ca đêm. Ngày 07/02/2019 có 02 người ca ngày, 01 người ca đêm. Tổng số tiền phí dịch vụ của 04 ngày nghỉ tết là: 13 x 12 x 45.000 x 300% = 21.600.000 đồng + 10% thuế VAT = 23.700.000 đồng.

Như vậy số tiền phí dịch vụ phải trả của tháng 02/2019 là: (52 + 31 - 13) x 12h x 45.000 = 37.80.000 đồng + 10% thuế VAT = 41.580.000 đồng + 23.700.000 đồng = 55.280.000 đồng.

Tổng số tiền phí dịch vụ chưa thanh toán là: 124.146.000 đồng + 102.764.000 đồng + 93.258.000 đồng + 55.280.000 đồng = 375.448.000 đồng.

Sau khi Công ty F không thanh toán tiền phí dịch vụ của các tháng 11,12/2018 và 01,02/2019 Công ty TL không có ý kiến gì về việc chậm thanh toán, nhưng vẫn cử người đến thực hiện nhiệm vụ đến hết ngày 20/02/2019. Mặt khác đến ngày 06/3/2019 Công ty TL mới gửi công văn nhắc nợ lần 2, ngày 07/03/2019 thì Công ty F mới có công Văn trả lời. Như vậy xác định trong suốt thời gian từ ngày 30/11/2018 đến hết ngày 06/3/2019 Công ty TL mặc nhiên đồng ý cho Công ty F chậm trả. Do đó thời gian chậm trả được xác định là ngày 07/3/2019.

Do đó tiền lãi chậm trả tính từ ngày 07/3/2019 đến ngày 06/02/2020 là 375.448.000 đồng x 0,05%/ngày (tương đương 1,5%/tháng và tương đương 18%/năm) x 11 tháng = 61.949.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty Fphải trả cho Công ty TL tính đến hết ngày 06/02/2020 là: 375.448.000 đồng + 61.949.000 đồng = ***437.397.000*** (bốn trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày 07/02/2020 đến khi Công ty F trả hết các khoản nợ thì Công ty F còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả phát sinh trên số nợ gốc (375.448.000 đồng) chưa trả.

[4] ***Về án phí kinh doanh thương mại*:**

- Công ty F phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là: 20.000.000 đồng + 4% x (437.397.000 đồng - 400.000.000 đồng) = 21.456.000 (*hai mươi mốt triệu, bốn trăm lăm mươi sáu nghìn*) đồng.

- Trả lại cho Công ty TL số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 (mười hai *triệu*) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008630 ngày 24/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

[5] ***Về quyền kháng cáo:*** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 513; Điều 518; Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 85; Điều 86; Điều 306 Luật Thương mại.

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ và Vệ sĩ TL đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn F.

2. Xác nhận Công ty Trách nhiệm hữu hạn F còn nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ và Vệ sĩ TL, tổng số tiền tính đến hết ngày 06/02/2020 là ***437.397.000*** (bốn trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn) đồng. Trong đó: Phí dịch vụ bảo vệ là: 375.448.000 đồng; Tiền lãi chậm trả là : 61.949.000 đồng.

3. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn F phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ và Vệ sĩ TL tổng số tiền tính đến hết ngày 06/02/2019 là ***437.397.000*** (bốn trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày 07/02/2020 cho đến khi trả hết các khoản nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn F còn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên số tiền cho 375.448.000 đồng chưa trả với mức lãi suất 0,05%/ngày theo thỏa thuận của hợp đồng dịch vụ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn F phải chịu án phí sơ thẩm là 21.456.000 (*hai mươi mốt triệu, bốn trăm lăm mươi sáu nghìn*) đồng.

- Hoàn trả Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ và Vệ sĩ TL số tiền tạm ứng án phí là 12.000.000 (mười hai *triệu*) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008630 ngày 24/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

6. Về quyền kháng cáo:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ và Vệ sĩ TL; Công ty Trách nhiệm hữu hạn F và chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn F có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND Đông Anh;*
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *THADS huyện Đông Anh;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phi Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phi Hùng